

Số 69...../V11 - CBTT

“V/v: Báo cáo thường niên năm 2014”

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**

Năm báo cáo: 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 11**
Tên giao dịch quốc tế: **Vietnam Construction Joint Stock Company N°11**
Giấy chứng nhận đăng ký số: **0800281102**
Tên viết tắt: **VINACONEX N°11**
Trụ sở chính: **Tầng 1, Văn phòng 6 -Khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính-Thanh Xuân- Hà Nội**
Điện thoại: **04 62853101** Fax: **04 62853100**
E-mail: **vc11@vnn.vn** Website: **vinaconex11.com.vn**
Mã chứng khoán: **V11**
Vốn điều lệ đăng ký: **100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng**
Vốn điều lệ đã góp: **83.998.890.000 (Tám mươi ba tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, tám trăm chín mươi ngàn) đồng.**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

+) Việc thành lập:

Công ty cổ phần xây dựng số 11 tiền thân là Xí nghiệp bê tông đúc sẵn Hải Hưng được thành lập theo Quyết định số 23 QĐ/UB ngày 25/01/1973 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng. Trụ sở Công ty tại 960 Lê Thanh Nghị- Hải Tân- Thành phố Hải Dương- Tỉnh Hải Dương.

Tháng 12 năm 1984, Xí nghiệp bê tông đúc sẵn Hải Hưng đổi tên thành Nhà máy bê tông đúc sẵn Hải Hưng.

Ngày 18 tháng 9 năm 1992, Nhà máy bê tông đúc sẵn Hải Hưng đổi tên thành Nhà máy bê tông Hải Hưng theo Quyết định số 736 QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng.

Ngày 12 tháng 3 năm 1996, Nhà máy bê tông Hải Hưng đổi tên thành Công ty bê tông và xây dựng Hải Hưng theo Quyết định số 616 QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng.

Ngày 23 tháng 10 năm 1996, Công ty bê tông và xây dựng Hải Hưng (thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng) được tiếp nhận làm thành viên Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (VINACONEX) và đổi tên thành Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11 theo Quyết định số 925/BXD-TCLĐ của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+) Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Ngày 09 tháng 5 năm 2002, Bộ Xây dựng ban hành văn bản số 682/BXD-TCLĐ thông báo danh sách các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng tiến hành chuyển đổi hình thức sở hữu đợt 2 năm 2002, trong đó có Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11

Ngày 04 tháng 3 năm 2003, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 200/QĐ-BXD phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11.

Ngày 02 tháng 4 năm 2003, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 377/QĐ/BXD về việc chuyển Công ty xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng số 11 thành Công ty cổ phần xây dựng số 11.

Ngày 10 và 11 tháng 4 năm 2003 tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần xây dựng số 11.

Khi cổ phần hóa, vốn điều lệ của doanh nghiệp là 5.100.000.000 (năm tỷ một trăm triệu) đồng.

Ngày 10/4/2004, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ từ 5,1 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng.

Ngày 28/4/2006, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.

Ngày 15/3/2007, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng.

Ngày 28/3/2007, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

Ngày 25/4/2008, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

+) Niêm yết:

Ngày 25/4/2008, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nghị quyết về việc đưa cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng số 11 lên giao dịch tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã thông qua hồ sơ và đăng ký niêm yết với Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 03/12/2008 Công ty được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu (số 53/GCN-TTGDHN).

- Ngày 15/12/2008, cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng số 11 chính thức giao dịch tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã: **V11**.

- Chuyển đổi mô hình quản lý:

Ngày 25/4/2008 Đại hội cổ đông thường niên đã thông qua phương án thành lập Công ty Mẹ - Công ty con.

Ngày 21/4/2009, thành lập Công ty cổ phần xây dựng Vinaconex 11.1. Hoạt động chính thức từ ngày 01 tháng 5 năm 2009.

Ngày 16/1/2013, cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng số 11 chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

+) Các sự kiện khác:

Bằng sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công nhân viên, trong quá trình trưởng thành và phát triển, Công ty cổ phần xây dựng số 11 đã đạt được những thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, vinh dự được Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu:

- Năm 2003: Được Bộ Xây dựng tặng “Cờ thi đua xuất sắc”, được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen. Giám đốc doanh nghiệp đạt danh hiệu “Giám đốc giỏi”, được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng.

- Năm 2004: Được Bộ Xây dựng tặng “Cờ thi đua xuất sắc” và Bằng khen, “Cờ thi đua Công đoàn ngành Xây dựng Việt Nam”. Giám đốc doanh nghiệp đạt danh hiệu “Giám đốc giỏi”, được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng.

- Năm 2005: Được Bộ Xây dựng tặng Bằng khen

- Năm 2006: Được tặng Bằng khen của Công đoàn ngành Xây dựng Việt Nam và Giấy khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Giám đốc doanh nghiệp đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Xây dựng, Giám đốc giỏi, được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng.

Ngày 30/6/2006 Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ Km 47, Quốc lộ 5A, Thôn Cẩm Khê, Xã Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Năm 2007: Được tặng Bằng khen của Công đoàn ngành Xây dựng Việt Nam. Giám đốc doanh nghiệp đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Xây dựng, được tặng Bằng khen của Bộ Xây dựng

- Năm 2008: Được Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương Lao động hạng nhì”. Giám đốc Công ty được tặng thưởng “Huân chương Lao động hạng ba”.

- Năm 2009: Ngày 15/01/2009 Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ B59 tổ 58 phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Năm 2010: Ngày 05/08/2010 Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ N8A2Phố Nguyễn Thị Thập, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Năm 2011: ngày 25/7/2011 Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Vinaconex, Khu đô thị Trung Hòa, nhân Chính, Thanh Xuân , hà Nội.

- Năm 2012: Ngày 18/9/2012 Công ty chuyển trụ sở về địa chỉ: Tầng 1 , Văn phòng 6, Khu đô thị Trung Hòa, nhân Chính, Thanh Xuân , hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Khi mới thành lập, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của xí nghiệp là chuyên sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn để phục vụ thủy lợi hóa nông nghiệp tỉnh Hải Hưng, quy mô sản xuất của xí nghiệp là 10.000 m³/năm.

Chuyển từ giai đoạn cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường, tháng 12/1984 nhà máy bước đầu áp dụng hình thức khoán doanh số. Năm 1985, nhà máy được xếp doanh nghiệp hạng II.

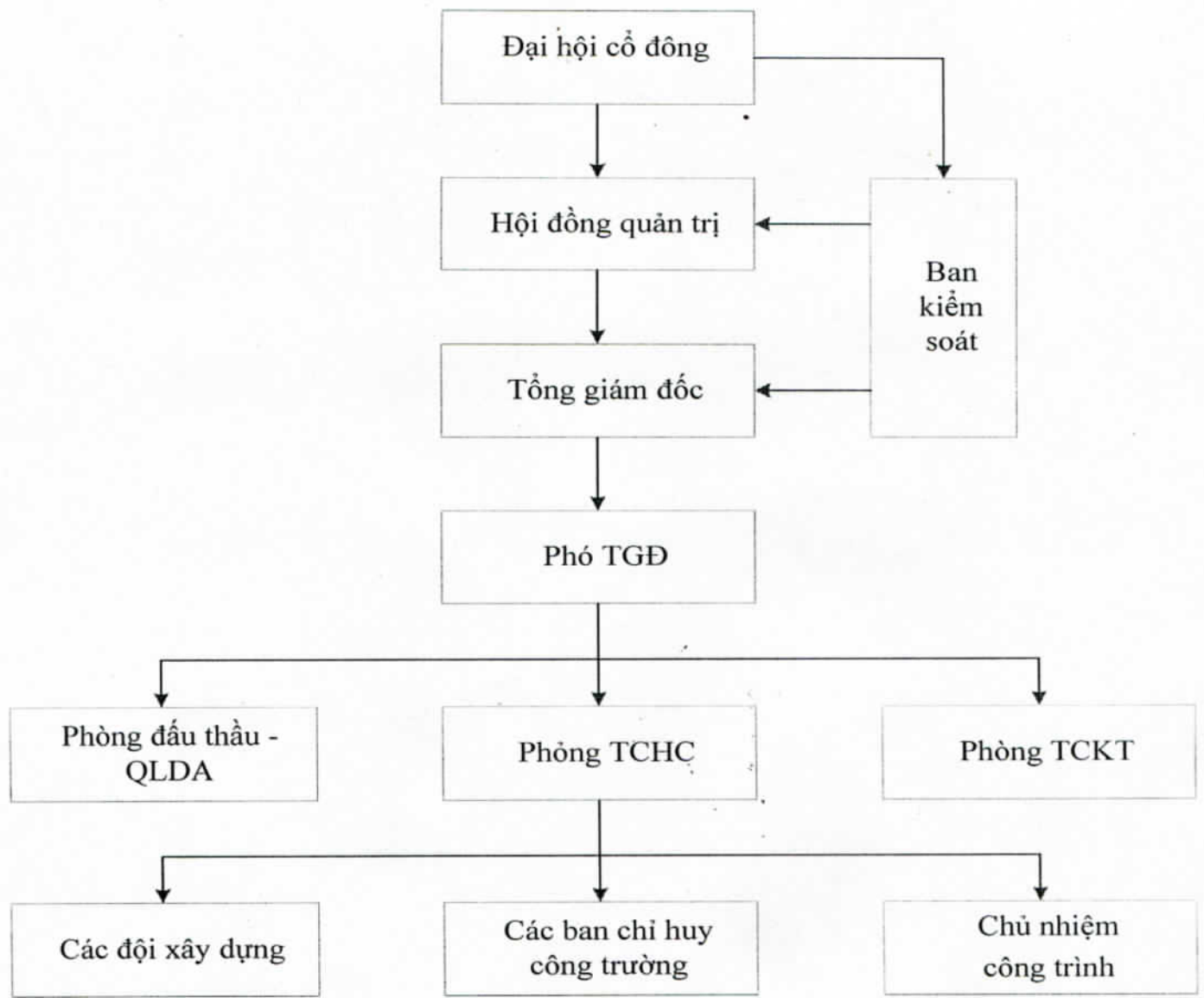
Tiếp tục thực hiện đổi mới quản lý xí nghiệp quốc doanh theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 21/4/1990, nhà máy tổ chức sắp xếp lại lao động, xác định lại phương hướng sản xuất.

Định hướng chiến lược những năm tiếp theo là sản xuất vật liệu xây dựng, liên doanh, liên kết mở thêm ngành nghề xây lắp. Cơ chế thị trường có tác động mạnh mẽ đến các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp năng lực yếu tại các địa phương chịu sự thử thách quyết liệt, nhưng công ty đã từng bước khắc phục khó khăn và phát triển. Năm 1996, ngành, nghề kinh doanh của công ty là kinh doanh vật liệu xây dựng; xây dựng công trình thủy lợi và giao thông quy mô vừa và nhỏ; xây dựng lưới điện đến 35KV; xây dựng công trình cấp thoát nước và nhà máy nước; nhận thầu thi công xây lắp công trình dân dụng và công nghiệp, công trình thủy điện, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KVA; đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư máy móc, thiết bị; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hiện nay, ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng số 11 là:

- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế 500KVA;
- Xây lắp công trình cấp thoát nước và nhà máy nước;
- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, văn hóa và du lịch;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất cấu kiện bê tông xây dựng, lắp đặt các loại máy móc thiết bị;
- Trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, xuất khẩu lao động

4. Mô hình quản trị, bộ máy kinh doanh và bộ máy quản lý:



+ Các Công ty có liên quan:

STT	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Vinaconex	Tòa nhà 34 Láng Hạ- Đống Đa-Hà Nội	Xây dựng, xuất nhập khẩu	25.500	30,36
2	Công ty CPXD số 3	249 Đường Hoàng Quốc Việt-Cầu Giấy-Hà Nội	Xây dựng	8.500	10,12

+ Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

STT	Tên công ty	Giá trị góp vốn cổ phần
1	Công ty cổ phần xây dựng VINACONEX số 11.1	3.963.950.000, đồng
	Cộng	3.963.950.000, đồng

5. Định hướng phát triển

+) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Từng bước đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn.
- Đẩy nhanh quá trình thanh quyết toán và tin kiểm các dự án, công trình mới
- Đạt lợi nhuận, có cổ tức và tăng thu nhập bình quân cho người lao động.

+) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phát triển bền vững, thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bằng nỗ lực của mình trong quá trình xây dựng và trưởng thành, đến nay thương hiệu Công ty cổ phần xây dựng số 11- VINACONEX N^o11 đã được khẳng định trong thị trường xây dựng, đến nay Công ty CP xây dựng số 11 đã làm chủ được nhiều công nghệ xây lắp hiện đại, sẵn sàng đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu khắt khe trong xây dựng.

Trong quá trình triển khai hoạt động xây lắp của mình, Công ty luôn coi trọng quan hệ hợp tác với các công ty xây dựng lớn để cùng nhận thầu thi công các công trình. Thông qua việc hợp tác với các đối tác các cán bộ, kỹ sư và công nhân của Công ty có điều kiện học hỏi kinh nghiệm, trình độ quản lý để qua đó nâng cao trình độ quản lý, tác phong công nghiệp...

Các loại hình công trình xây dựng mà Công ty cổ phần xây dựng số 11 có đủ năng lực thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ cao nhất: Công trình Nhà máy xi măng Cẩm Phả, dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt, Khu tái định cư Nam Trung Yên, đường cao tốc Láng-Hòa Lạc, nút giao thông vào Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Khu đô thị mới Trung Hòa-Nhân Chính, block quốc lộ 5A Hà Nội-Hải Phòng, thi công cầu vượt đường vào Công viên động vật hoang dã tại Láng-Hòa Lạc...

Một số chỉ tiêu kinh tế chính giai đoạn 2010 - 2014

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện				
		Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Doanh thu	Tỷ đồng	183.9	202.8	189.2	195.5	119.5
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9.96	-29.5	-10.2	-19.7	-3.6
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4.6	-29.5	-10.2	-19.7	-3.6
Mức cổ tức	%/năm	8	0	0	0	0
Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng				1.36	0.9
Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	3.5	4.2	4.2	4.2	4.2

2. Tổ chức nhân sự:

Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Thay đổi tỷ lệ trong năm 2014
1	Đặng Văn Hiếu	Tổng giám đốc	12.532	0,25	
2	Nguyễn Quốc Sơn	P.Tổng giám đốc	00	00	
3	Phạm Văn Tân	P.Tổng giám đốc	00	00	
4	Trần Ngọc Sơn	Phụ trách kế toán	00	00	
5	Nguyễn Quang Hưng	PTP.Đầu tư và Quản lý dự án	00	00	
6	Vũ Thanh Bình	PTP. Tổ chức hành chính	00	00	

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	(%) tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	573.971.841.262	472.235.960.775	82
Doanh thu thuần	195.535.163.365	119.547.697.146	61
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(22.453.310.120)	1.484.410.318	-7
Lợi nhuận khác	2.673.845.658	(5.123.077.629)	-192
Lợi nhuận trước thuế	(19.779.464.462)	(3.638.667.311)	18
Lợi nhuận sau thuế	(19.779.646.462)	(3.638.667.311)	18
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,12	1,14
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,52	0,47
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,88	0,86
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	7,47	6,36

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	0,65	0,39
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	0,34	0,25
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,10	-0,03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-0,29	-0,06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,03	-0,01
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-0,11	0,01

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Cổ phiếu phổ thông: 83.998.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu khác: Không có

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty CP XNK & XD Việt Nam	2.550.000	25.500.000.000	30.36
2	Bà Đoàn Thu Thùy	1.675.000	16.750.000.000	19.94
3	Công ty CP Xây dựng số 3	850.000	8.500.000	10.12
4	Các cổ đông khác	3.324.889	33.248.890.000	39.58

c) Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có

e) Cổ tức:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2014: 0%

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty:

Trong năm 2014, Công ty cổ phần xây dựng số 11 tiếp tục thực hiện tiếp một số công trình dở dang như: Tuyến đường B0 –B3 khu CNC Hòa Lạc, Khu nhà ở D22 - Bộ quốc phòng, Dự án KĐTMT Bắc An Khánh, CT Dương Nội – Nam Cường ... Đồng thời Công ty cũng hoàn thiện hồ sơ, đẩy nhanh công tác thanh quyết toán các công trình: Dự án đường Láng – Hòa Lạc, Dự án 239/05 Bộ công an, CT Vinh Tân - Nghệ An với các Chủ đầu tư để thu tiền về. Ban lãnh đạo Công ty cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã cố gắng nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đã đặt ra.

Tuy nhiên năm 2014, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu tác động mạnh của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới dẫn tới các bước điều chỉnh không có lợi cho các doanh nghiệp đặc biệt là sự biến động

về thị trường vốn và lãi suất, thị trường bất động sản chưa thực sự khởi sắc, hàng tồn kho lớn. Công ty cổ phần xây dựng số 11 cũng chịu sự tác động không nhỏ của sự biến động đó, các công trình Công ty nhận thầu và được giao thầu thiếu vốn thi công dẫn tới tiến độ của các công trình không được đảm bảo, việc nghiệm thu khối lượng hoàn thành với Chủ đầu tư, nhà thầu chính chậm. Mặt khác, phần lớn các công trình của Công ty đã thi công xong, đang trong giai đoạn chờ quyết toán dẫn đến thực hiện doanh thu của Công ty không đạt so với kế hoạch đề ra (47,80%).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2014 (triệu đồng)	Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Sản lượng	280.000	80.900	28,90
2	Doanh thu	250.000	119.547	47,80
3	Lợi nhuận	-10.305	-3.638	164,69

Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, doanh thu không đạt so với kế hoạch đề ra nhưng nhờ vào những cố gắng, nỗ lực của Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 cũng đã từng bước ổn định, đạt được những kết quả đáng khích lệ: giảm lỗ xuống còn 3,6 tỷ đồng, các chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm đáng kể so với năm 2013.

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được

+ Công ty đã nỗ lực làm hồ sơ thanh quyết toán các công trình tạo nguồn tiền trả nợ Ngân hàng theo đúng kế hoạch đã cam kết, nhờ đó năm 2014 Công ty đã được Ngân hàng Vietcombank Hải Dương xóa một phần lãi vay (4 tỷ đồng) và tiếp tục lộ trình xóa lãi trong những năm tiếp theo.

+ Trong năm Công ty đã thực hiện kiện toàn, tổ chức lại bộ máy quản lý theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ dẫn tới chi phí lương, chi phí BHXH giảm.

+ Kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào đối với các công trình đang thi công, chi đúng, hợp lý, hợp lệ, nhờ đó các công trình đều có lãi.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

+ Nợ phải thu khách hàng:

Số dư nợ phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2014 là 89,4 tỷ đồng, trong đó đã đối chiếu được 63,2 tỷ đồng, là các công trình còn thi công hoặc đang trong giai đoạn chờ quyết toán. Còn lại phần lớn là các khoản nợ ứ đọng lâu ngày, đó là các công trình có nguồn vốn ngân sách, ở các địa phương nhỏ lẻ, chủ đầu tư đã thay đổi nhiều lần dẫn tới việc đối chiếu và thu hồi gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng tới dòng tiền của Công ty.

+ Hàng tồn kho:

Tại thời điểm 31/12/2014, tồn kho trên sổ sách của Công ty là 276,70 tỷ đồng nhưng trên thực tế kiểm kê chỉ là 58,24 tỷ đồng. Thời gian qua, Công ty đã tích cực rà soát, làm rõ số liệu với các đội thi công từ đó có cơ sở cắt giảm các khoản chi phí vượt, không hợp lý.

+ Tạm ứng đội:

Số dư tạm ứng đội cuối năm 2014 là 105,56 tỷ đồng, phần lớn không đối chiếu được do các đội trưởng, chủ nhiệm công trình đã nghỉ từ lâu. Trong năm Công ty đã có nhiều buổi làm việc với các đội nhằm làm rõ số liệu trên, tuy nhiên vẫn chưa đạt được nhiều kết quả. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục làm việc để xử lý dứt điểm tình trạng trên.

b) Tình hình nợ phải trả:

+ Nợ Ngân hàng:

Tính đến 31/12/2014, Công ty đang nợ Ngân hàng 80 tỷ đồng, các khoản nợ đều đã quá hạn lâu ngày, bị xếp vào nợ xấu nhóm 5, gây rất nhiều khó khăn cho Công ty trong việc huy động vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời làm gia tăng chi phí tài chính của Công ty do phải chịu thêm lãi phạt 150% lãi trong hạn. Năm 2014 Công ty đã trả được 11,1 tỷ đồng nợ Ngân hàng.

+ Nợ thuế:

Công ty đang nợ tiền thuế 23,5 tỷ đồng và tiền chậm nộp 4 tỷ đồng. Trong năm 2014, Công ty cũng đã nỗ lực thu tiền công trình để trả một phần nợ thuế (1 tỷ đồng) đồng thời gửi công văn xin Cục thuế TP Hà Nội cho trả dần tiền nợ thuế trong những năm tiếp theo.

+ Nợ BHXH:

Tính đến 31/12/2014 Công ty còn nợ tiền BHXH 7,2 tỷ đồng và tiền chậm nộp 1,8 tỷ đồng. Trong năm 2014, Công ty đã trả được 2 tỷ đồng nợ BHXH đồng thời cũng đã tích cực làm việc với cơ quan bảo hiểm cam kết kế hoạch trả nợ trong những năm tiếp theo. Nhờ đó mà cán bộ công nhân viên trong Công ty đã được cấp thẻ bảo hiểm y tế, một phần chế độ thai sản cho lao động nữ cũng đã được giải quyết. Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục làm việc với cơ quan bảo hiểm để giải quyết chế độ hưu trí, cấp và chốt sổ cho lao động đã nghỉ hưu.

+ Nợ phải trả người bán:

Do tồn tại của công tác quản trị cũ để lại, Công ty hạch toán toàn bộ khoản chi phí đội tập hợp dẫn đến công nợ phải trả được ghi nhận chưa phù hợp với thực tế. Tại thời điểm 31/12/2014, nợ còn phải trả người bán của Công ty là 185,7 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Các hoạt động sản xuất kinh doanh được quản lý, điều hành bằng việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong công tác tổ chức-bộ máy, Công ty đã triển khai biện pháp tổ chức điều hành là: “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”, thông qua việc bổ nhiệm các cán bộ có năng lực thực sự nắm giữ các vị trí quan trọng, qua đó phát huy được sức mạnh tập thể của các cán bộ chủ chốt đồng thời thể hiện tính trách nhiệm của từng cá nhân trong Ban điều hành.

Các biện pháp kiểm soát: Ban giám đốc kết hợp với các phòng ban trực tiếp và thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các đơn vị thi công trong công tác thu hồi công nợ, thanh quyết toán công trình. Tuy nhiên công tác này còn chưa đạt yêu cầu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Mục tiêu của Công ty là tiếp tục phấn đấu mức tăng trưởng năm sau cao hơn và có lợi nhuận trong các năm tài chính tiếp theo.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

(chi tiết theo thư giải trình)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

2. Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc:

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm, của thành viên Hội đồng quản trị là 5 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: một (01) thành viên.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã họp thường kỳ mỗi quý một lần. Cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, có sự tham gia của Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty, tất cả các cuộc họp được ghi vào sổ biên bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các cuộc họp, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100%.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty và đúng định hướng chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tuy nhiên, năm 2014 là năm bị ảnh hưởng rất lớn và sự tác động tiêu cực của nền kinh tế nói chung, nên Hội đồng quản trị không thể lường trước được những thách thức đó, đặc biệt là sự tiếp cận nguồn vốn rất khó khăn do chính sách tài chính-tiền tệ thắt chặt dẫn đến một số quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư của Hội đồng quản trị chưa đạt được như mong muốn

c) Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Thay đổi tỷ lệ trong năm 2014
1	Đỗ Công Hiến	Chủ tịch HĐQT	2.450.000	29,167	
2	Đặng Minh Huệ	Thành viên HĐQT	8.500.000	10,119	
3	Đặng Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	12.532	0,25	
4	Nguyễn Quốc Sơn	Thành viên HĐQT	00	00	
5	Trần Đăng Lợi	Thành viên HĐQT	00	00	

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát có ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm. Thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Ban kiểm soát độc lập không điều hành: ba (03) thành viên.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong công tác quản lý, điều hành;

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quy chế quản lý nội bộ;

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông

- Thẩm tra các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính

- Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán viên đưa ra;

- Kiểm soát việc tuân thủ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, quy chế của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. Các giao dịch, thù lao và lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và BKS là 0 đồng (không đồng)

b) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

Trong năm 2014 không xảy ra các giao dịch cổ phiếu và các giao dịch khác có liên quan của những đối tượng trên.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kiểm toán độc lập

1.1. Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

1.2. Ý kiến của kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC): “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 11 tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan”.

1.3. Các nhận xét

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên:

- Tại thời điểm 31/12/2014 Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầu đủ nợ phải thu và nợ phải trả, trong đó chủ yếu bao gồm là các khoản công nợ với chủ đầu tư, các đối tượng, chủ nhiệm công trình đang được trình bày tại các khoản mục: “Phải thu khách hàng” số tiền 57,08 tỷ đồng, “tạm ứng” số tiền là: 105,56 tỷ đồng, “ Phải trả người bán ” số tiền : 236,28 tỷ đồng, “người mua trả tiền trước” số tiền 7,45 tỷ đồng, “ Các khoản phải thu khác” số tiền 9,85 tỷ đồng và “Các khoản phải trả, phải nộp khác” số tiền 7,75 tỷ đồng. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể khẳng định tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ này, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản phải thu, phải trả chưa được đối chiếu nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

- Tại thời điểm 31/12/2014 số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình đang trình bày tại khoản mục " hàng tồn kho" trên bảng cân đối kế toán với số tiền là 276,70 tỷ đồng. Tuy nhiên, khối lượng dở dang đã đối chiếu theo Báo cáo kiểm kê của Công ty là 58,24 tỷ đồng, số còn lại chưa được kiểm kê, đối chiếu. Bên cạnh đó, do chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận khi có chứng từ phát sinh và được thanh quyết toán khi công trình hoàn thành bàn giao với các đối tượng, chủ nhiệm công trình. Mặt khác nợ phải thu, phải trả với các đối tượng, chủ nhiệm công trình đang trình bày tại khoản mục " tạm ứng" và "phải trả người bán" nêu trên chưa được đối chiếu, xác nhận và các công trình thanh quyết toán với chủ đầu tư, chưa có bất kỳ điều chỉnh nào (có thể có) liên quan đến giá trị quyết toán công trình. Điều này dẫn đến việc Công ty có thể ghi nhận khoản lỗ trong tương lai

hay không, phụ thuộc vào kết quả công tác đối chiếu, xác nhận công nợ với các đối tượng, chủ nhiệm công trình cũng như giá trị quyết toán được các bên có thẩm quyền phê duyệt. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đưa ý kiến đối với khoản mục này.

- Tại thời điểm 31/12/2014, lỗ lũy kế của Công ty là: 61,38 tỷ đồng và các vấn đề liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và chi phí SXKD dở dang nêu trên, là những dấu hiệu có thể dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của công ty phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới và việc tiếp tục hỗ trợ từ phía các cổ đông của Công ty, do vậy công ty vẫn lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng chắc chắn về tình hình hoạt động liên tục của Công ty do các yếu tố nêu trên.

2. Kiểm toán nội bộ

2.1. Ý kiến của kiểm toán nội bộ

- Công ty chưa xây dựng bộ phận kiểm toán nội bộ.

2.2. Các nhận xét đặc biệt

- Không có.

VII. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty khác: Không có

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty khác nắm giữ: Không có

3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Năm 2013 Công ty đã thoái hết vốn ở một số Công ty liên doanh, liên kết. Hiện tại còn góp vốn tại Công ty con là:

TT	Tên công ty	Giá trị góp vốn cổ phần
1	Công ty cổ phần xây dựng VINACONEX số 11.1	3.963.950.000, đồng
	Cộng	3.963.950.000, đồng

VIII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1.1 Họ và tên: **Đỗ Công Hiền**

Chức vụ: **Thành viên hội đồng quản trị - Chủ tịch hội đồng**

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 17/2/1971

Nơi sinh: Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội

Quê quán: Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 22 ngõ 151B, Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cảng - Đường Thủy

1.2 Họ và tên: **Đặng Văn Hiếu**

Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc**

Dân tộc: Kinh Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 27/5/1971

Nơi sinh: Thị trấn Bần-Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên

Quê quán: Thị trấn Bần-Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Thị trấn Bần-Yên Nhân, Mỹ Hào, Hưng Yên.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

1.3 Họ và tên: **Trần Đăng Lợi**

Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị**

Dân tộc: Kinh Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/3/1953

Nơi sinh: Nghĩa Dân, Kim Động, Hưng Yên

Quê quán: Nghĩa Dân, Kim Động, Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: số 12, ngách 34A/5, khu 34A Trần Phú, Phường Điện Biên, Ba Đình, TP Hà Nội.

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

1.4 Họ và tên: **Phạm Huy Thông**

Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**

Dân tộc: Kinh Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 18/4/1952

Nơi sinh: Nghi Tân, Nghi Lộc, Nghệ An

Quê quán: Nghi Tân, Nghi Lộc, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: 210/A15, Nghi Tân, Cầu Giấy, Hà Nội.

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.

1.5 Họ và tên: **Nguyễn Quốc Sơn**

Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc - Ủy viên hội đồng quản trị**

Dân tộc: Kinh Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/7/1978

Nơi sinh: Nghi Diên, Nghi Lộc, Nghệ An

Quê quán: Nghi Diên , Nghi Lộc, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Nghi Diên , Nghi Lộc, Nghệ An

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp

1.6 Họ và tên: **Đặng Minh Huệ**

Chức vụ: **Thành viên hội đồng quản trị**

Dân tộc: Kinh Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 28/12/1972

Nơi sinh: Cẩm Khê, Phú Thọ

Quê quán: Văn Khúc, Cẩm Khê, Phú Thọ

Địa chỉ thường trú: Số 67, tổ 50, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

1.7 Họ và tên: **Đặng Thanh Huân**

Chức vụ: **Trưởng ban kiểm soát**

Dân tộc: Kinh Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/4/1964

Nơi sinh: Tân Việt, Bình Giang, Hải Dương

Quê quán: Tân Việt, Bình Giang, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: C2, tập thể Học viện Hành chính Quốc gia, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân Anh văn.

1.8 Họ và tên: **Vũ Thị Ngân**

Chức vụ: **Thành viên ban kiểm soát**

Dân tộc: Kinh Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 5/12/1973

Nơi sinh: Tiên Lãng, Hải Phòng

Quê quán: Tiên Lãng, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 40 Ngân Sơn, Trần Phú, thành phố Hải Dương, Hải Dương.

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

1.9 Họ và tên: **Trịnh Quốc Hiệp**

Chức vụ: **Thành viên ban kiểm soát**

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1982

Nơi sinh: Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Tây

Quê quán: Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Tây

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

2. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm 2014

Không có sự thay đổi.

3. Quyền lợi của Ban Giám đốc

Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc trong năm 2014 thực hiện theo quy chế tiền lương của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, cụ thể như sau:

Họ và tên		Chức vụ	Tổng cộng tiền lương và tiền thưởng (đồng)
Đặng Văn	Hiếu	Tổng giám đốc	208.000.000
Nguyễn Quốc	Sơn	Phó Tổng giám đốc	108.000.000
Phạm Văn	Tân	Phó Tổng giám đốc	216.000.000
Tổng cộng			

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tổng số cán bộ, công nhân viên tính đến hết tháng 12/2014: 141 người.

- Chính sách đối với người lao động:

Người lao động được Công ty ký kết hợp đồng lao động và đảm bảo việc làm, thời gian nghỉ ngơi, thời gian làm việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Tiền lương của người lao động làm căn cứ tính đóng bảo hiểm xã hội và thực hiện các chế độ chính sách khác được áp dụng theo quy định tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương trong các doanh nghiệp nhà nước.

Người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu của từng công việc cụ thể, theo quy chế đào tạo của Công ty.

IX. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014:

1. Cổ đông trong nước:

+) Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1/Tổ chức	5.173.088	5.173.088	62.5
2/ Cá nhân sở hữu cổ phần hạn chế chuyển nhượng (thành viên HĐQT, BKS, BGD và KTT)	3.158.101	3.158.101	37.5
Tổng cộng	8.399.889	8.399.889	100

+) Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

- Tên cổ đông: Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam

- Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Construction and import - export joint stock corporation

- Tên viết tắt: VINACONEX.,JSC

- Trụ sở: Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: (84 4) 62849234 Fax: (84 4)62849208

- E-mail: vinaconex@fpt.vn Website: vinaconex.com.vn

- Ngành, nghề hoạt động chính: Thi công xây dựng; tư vấn thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; kinh doanh bất động sản; xuất khẩu lao động.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.550.000 cổ phần

- Tỷ lệ so với tổng số cổ phần: 30.36%

- Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: Không có biến động

- Tên cổ đông: Công ty cổ phần xây dựng số 3

- Tên viết tắt: VINACONEX 3

- Trụ sở: 249, Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Tân, Cầu giấy, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 37567908 Fax: 37560333

- Ngành, nghề hoạt động chính: Thi công xây dựng; tư vấn thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; kinh doanh bất động sản; xuất khẩu lao động.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 850.000 cổ phần

- Tỷ lệ so với tổng số cổ phần: 10,12%

- Tên cổ đông: Bà Đoàn Thu Thủy

- Địa chỉ: Số 43 – Ngõ 168 – Hào Nam - Đống Đa – Hà Nội

- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.675.000 cổ phần

- Tỷ lệ so với tổng số cổ phần: 19.94%

2. Cổ đông nước ngoài

Không có.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TRƯỚC PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Dặng Văn Hiếu